TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 359/2019/LĐ-PT
Ngày: 25-4-2019
V/v Tranh chấp về tiền lương.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Dung
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng
Bà Võ Thị Kim Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Tâm Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh***: Ông Tôn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 25/4/2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2019/TLPT-LĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp về tiền lương".

Do bản án lao động sơ thẩm số 52/2018/LĐ-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1695/2019/QĐPT-LĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1970; cư trú tại: xã R, huyện S, tỉnh Bến Tre. Địa chỉ liên lạc: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Trần Quang T1**, sinh năm 1973; cư trú tại: Thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên lạc: Đường D, Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền ngày 12/9/2017).

- *Bị đơn:* **Công ty TNHH P**; Trụ sở: Đường H, Phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Hồng Thị Minh N1** – Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

1/ Bà **Nguyễn Hồng Thảo N**, sinh năm 1977; cư trú tại: Đường L, Phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền ngày 24/8/2017).

2/ Ông **Nguyễn Trung T2**, sinh năm 1993; cư trú tại: Đường I, Phường O, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền ngày 03/01/2019).

- *Người kháng cáo:* **Công ty TNHH P,** là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2017 của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Ngày 16/8/2016 ông T vào làm bếp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn P – nhà hàng, không ký hợp đồng lao động bằng văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói: ông T cùng 12 người khác làm việc cho nhà hàng, tiền công là 97.500.000 đồng/tháng, ông T đại diện lãnh lương và chia lại cho những người làm cùng. Khi nhận việc, ông T không làm biên bản bàn giao với nhóm bếp trước vì được nhà hàng kêu vào làm gấp. Do nhà hàng đưa ra hợp đồng lao động không bảo đảm quyền lợi, nên ông T không ký và chưa cung cấp hồ sơ lý lịch của 12 người cùng làm. Theo thỏa thuận, thời gian thử việc là 25 ngày, lương trả đủ. Nhà hàng mới trả cho ông T 15 ngày với số tiền 48.750.000 đồng, còn nợ lại ông T 10 ngày với số tiền 32.500.000 đồng. Công ty trả lương cho ông T được ba tháng 8,9,10/2016 với số tiền 292.500.000 đồng. Kể từ ngày 10/11/2016 thì Nhà hàng không trả lương. Sự việc kéo dài đến ngày 24/12/2016 thì ông và 12 người làm cùng nghỉ việc. Sáng 25/12/2016 ông T đến để lấy lương và bàn giao bếp nhưng vẫn không được trả lương mà còn bị đuổi ra ngoài nên không bàn giao bếp được. Nay ông T yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn P phải trả 01 tháng 23 ngày lương và 10 ngày lương thử việc còn nợ với số tiền là 172.250.000 đồng.

Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn P – nhà hàng do bà Nguyễn Hồng Thảo N đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông T làm việc tại nhà hàng khoảng 2-2,5 tháng. Ông T báo có 13 người vào làm việc cho nhà hàng nhưng ông T không thực hiện cung cấp hồ sơ lý lịch đủ số 13 người cho công ty và đưa ra nhiều lý do để thoái thác. Ông T nói nhà hàng trả lương mỗi tháng 97.500.000 đồng là không đúng, do không đủ 13 người làm, nên nhà hàng đã yêu cầu ông T báo ngày nghỉ việc để nhà hàng tuyển người khác, nhưng ông T không chắc chắn ngày nào sẽ nghỉ. Khoảng tháng 11/2016 ông T bỏ việc không vào làm bếp, để những người còn lại tự làm và điều đó đã ảnh hưởng đến nguồn thu của nhà hàng do món ăn không ổn định. Đầu tháng 12/2016 cả nhóm không vào làm bếp, không bàn giao lại tài sản cho nhà hàng, thất thoát một số tài sản, nguyên liệu hải sản thì bỏ hỏng do không được bảo quản tốt (có biên bản bàn giao từ nhóm bếp trước với ông T, nhưng do thất lạc nên không cung cấp được cho Tòa án). Nhà hàng phải thuê người làm bán thời gian. Một số người của ông T vào bếp gây sự với những người mới nhằm làm cho họ bỏ đi. Do ông T làm việc không rõ ràng vì ngay lúc trả tháng lương đầu tiên nhà hàng đã nhắc nhở những gì đã cam kết giữa ông T và nhà hàng nhưng ông T không có thái độ dứt khoát nên xảy ra mâu thuẫn. Nhà hàng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Quang T1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn P trả cho ông T 53 ngày lương, gồm 43 ngày nợ lương, từ ngày 10/11/2016 đến ngày 24/12/2016 (43 ngày x 250.000 đồng x 13 người = 139.750.000 đồng) và 10 ngày nợ lương thử việc (10 ngày x 250.000 đồng x 13 người = 32.500.000 đồng) tổng số tiền là 172.250.000 đồng. Nay ông T yêu cầu bị đơn trả số tiền 171.250.000 đồng. Do có một ngày ông T và ba người khác nghỉ việc đi làm 9 người, nên ông T sẽ trừ lại một ngày lương của bốn người nghỉ việc là 1.000.000 đồng (4 người x 250.000 đồng = 1.000.000 đồng), như vậy lương của 13 người là 172.250.000 đồng – 1.000.000 đồng = 171.250.000 đồng.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 52/2018/LĐ-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận M đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 32; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 7, 19, 25, 37 Bộ luật lao động;

Căn cứ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn P phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền lương còn nợ là 171.250.000 (Một trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng, thực hiện kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án (bị đơn) không thi hành các khoản tiền nói trên, thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm về lao động có giá ngạch là 5.137.500 (Năm triệu một trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm) đồng, Công ty trách nhiệm hữu hạn P phải chịu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 20/12/2018 bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Trung T2 và bà Nguyễn Hồng Thảo N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH P trình bày:

Hợp đồng giữa ông Nguyễn Văn T và Công ty TNHH P là hợp đồng khoán việc chịu sự điều chỉnh của Bộ luật Dân sự, theo đó ông T nhận nhiệm vụ bếp chính và chịu trách nhiệm số người làm bếp đủ 13 người, Công ty sẽ trả số tiền cho 13 người là 97.500.000 đồng. Ông T và Công ty không phát sinh quan hệ lao động nên ông T không có quyền yêu cầu thanh toán lương thử việc và các quyền lợi khác của người lao động. Tòa án sơ thẩm xác định vụ việc là tranh chấp tiền lương và áp dụng Bộ luật Lao động để giải quyết là không chính xác.

Nhóm ông T vào làm việc tại Công ty từ cuối tháng 10/2016, ban đầu đủ 13 người nhưng chỉ được 05 ngày thì chỉ còn 09 người. Ông T đã vi phạm thỏa thuận với Công ty như không đảm bảo đủ số lượng người, 09 người này cũng thay đổi liên tục mà không cố định, ông T tự ý nghỉ việc không báo trước khiến Công ty chịu thiệt hại rất lớn. Công ty chỉ còn thiếu 23 ngày lương của 09 người làm việc. Ông T đã không đảm bảo đủ số lượng 13 người làm bếp nên giữa ông T và Công ty không thể ký kết hợp đồng, từ đó Công ty từ chối không trả đúng số tiền 97.500.000 đồng. Ông T khởi kiện yêu cầu Công ty phải trả số tiền cho 13 người nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập những người làm việc trong nhóm của ông T để làm rõ các vấn đề như có đủ số lượng lao động 13 người làm việc hay không, thời gian làm việc, tiền lương… là bỏ sót những người tham gia tố tụng dẫn đến không đánh giá đầy đủ, toàn vẹn nội dung vụ án.

Công ty yêu cầu ông T phải bồi hoàn lại các khoản tiền gây thiệt hại do đã bỏ việc ngang, cụ thể: một máy xay sinh tố bị hư trị giá 1.700.000 đồng, đền bù 20% tiền lương thuê bếp ngoài vì ông T bỏ việc (22.000.000 đồng/ngày), một số hàng thực phẩm bị hư trị giá 1.892.000 đồng. Tổng cộng là 50.000.000 đồng.

Công ty không thừa nhận Phiếu chi lương nhân viên mà ông T nộp cho Phòng Lao động Thương binh và Xã hội Quận M là của Công ty vì tờ giấy này không có dấu mộc hay chữ ký của các bên.

Đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do Tòa án nhân dân Quận M đã xác định sai quan hệ tranh chấp và đưa thiếu người tham gia tố tụng.

Ông Trần Quang T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Không đồng ý với kháng cáo của phía bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông T đại diện cho 12 người khác đã cùng Công ty thỏa thuận về hợp đồng lao động, theo đó ông T cùng 12 người này sẽ làm việc bếp, Công ty trả lương cho 13 người là 97.500.000 đồng/tháng, một người là 7.500.000 đồng/tháng, ông T sẽ đại diện lãnh lương từ Công ty và về phát lại cho 12 người kia. Trong thời gian làm việc, nếu có người vắng ngày nào thì ông T sẽ báo lại Công ty. Ông T đã thực hiện đúng theo thỏa thuận là cung cấp đủ họ tên của 12 người lao động. Công ty có đưa cho ông T một bản thảo Hợp đồng lao động nhưng do có những điều khoản không hợp lý nên ông T chưa đồng ý ký. Ông T không biết bản Hợp đồng khoán bếp mà phía Công ty nộp cho Tòa án, hợp đồng này cũng không có chữ ký của ông T nên không có giá trị. Do Công ty không trả lương nên nhóm

ông T phải nghỉ việc. Hiện nay ông T đã tự ứng trước tiền của mình để trả cho 12 người còn lại, do đó 12 người này không còn liên quan đến vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Phía Công ty đã thừa nhận có sự việc ông T cùng một số người đã làm việc tại Công ty, giữa hai bên không ký hợp đồng lao động nhưng đã có giao kết bằng lời nói theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Tại Phiếu chi lương nhân viên thể hiện Công ty trả cho ông T tổng lương là 97.500.000 đồng. Tại biên bản hòa giải tại Phòng Lao động thương binh và xã hội Quận M, đại diện Công ty cũng đã đồng ý trả 1 tháng 23 ngày lương cho 09 người. Công ty không chứng minh được chỉ có 09 người làm việc. Do đó cần buộc Công ty phải thanh toán số tiền lương còn thiếu cho ông T. Đề nghị y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn và bị đơn đều xác định hai bên đã thỏa thuận: nhóm của ông Nguyễn Văn T bao gồm 13 người sẽ vào làm việc tại bếp của Công ty TNHH P (sau đây gọi tắt là Công ty), tiền công cho mỗi người là 7.500.000 đồng/tháng, ông T sẽ đại diện nhận tiền lương từ Công ty và chia cho 12 người còn lại. Như vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Bộ luật Lao động thì đây thuộc trường hợp "Đối với công việc theo mùa vụ, công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng thì nhóm người lao động có thể ủy quyền cho một người lao động trong nhóm để giao kết hợp đồng lao động bằng văn bản; trường hợp này hợp đồng lao động có hiệu lực như giao kết với từng người". Đây không phải là trường hợp các bên có thể giao kết hợp đồng lao động bằng lời nói được quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động vì đây không phải là công việc tạm thời có thời hạn dưới 03 tháng.

Tuy nhiên giữa hai bên đã không ký kết hợp đồng lao động theo quy định. Phía ông T cho rằng do Công ty đưa ra bản hợp đồng lao động có những điều khoản chưa hợp lý còn phía Công ty cho rằng do phía ông T không cung cấp đủ họ tên của 13 người để ghi vào hợp đồng và trên thực tế nhóm ông T làm việc tại Công ty cũng không đủ 13 người như thỏa thuận. Hiện nay hai bên không thống nhất với nhau về số lượng người làm việc tại Công ty, về số tiền lương phải trả cũng như thời gian thực tế đã làm việc. Bản thân ông T có những lời trình bày không thống nhất về thời gian bắt đầu làm việc, cụ thể: tại Phòng Lao

động thương binh và xã hội Quận M, ông T trình bày ngày vào làm việc là 12/8/2016, đơn khởi kiện ông T nêu ngày làm việc là 16/8/2016, biên bản hòa giải tại cấp sơ thẩm nêu ngày 16/7/2016, tại phiên tòa sơ thẩm ông T xác định ngày bắt đầu làm việc là 16/8/2016. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông T xác định ngày bắt đầu làm việc là 16/7/2016.

Tại cấp sơ thẩm, ông T trình bày không cung cấp lý lịch của 13 người làm việc cho Công ty là do hợp đồng không đảm bảo quyền lợi, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông T lại xác định có cung cấp đủ họ tên của 13 người làm việc cho Công ty. Trong đơn khởi kiện, biên bản hòa giải tại cấp sơ thẩm, ông T luôn xác định có đủ 13 người làm việc, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, ông T lại thừa nhận có một ngày ông và ba người khác nghỉ việc, chỉ có 09 người làm việc nên đồng ý trừ lại một ngày lương của bốn người nghỉ việc này. Phía Công ty luôn xác định nhóm ông T chỉ có 09 người làm việc và ngày bắt đầu vào làm việc tại Công ty là tháng 10/2016. Giữa các bên không có bất cứ giấy tờ, tài liệu gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Những tài liệu như Phiếu chi lương, Hợp đồng khoán bếp do các bên cung cấp đều là bản photocopy, không có chữ ký của hai bên và đều không được phía bên kia thừa nhận nên không được xem là chứng cứ.

Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải đưa 12 người lao động đã ủy quyền cho ông T tham gia giao kết hợp đồng với Công ty vào tham gia tố tụng để lấy lời khai, đối chất làm rõ về thời gian làm việc, hình thức trả lương, những người này có ủy quyền cho ông T đại diện cho họ đòi nợ lương từ Công ty hay không? Tại cấp phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông T còn trình bày ông T đã tự ứng tiền cá nhân để chi trả cho 12 người lao động nhưng không nộp được tài liệu gì chứng minh cho sự việc này. Cấp phúc thẩm không thể thực hiện việc thu thập bổ sung các chứng cứ này được nên cần phải hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Hủy bản án sơ thẩm số 52/2018/LĐ-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận M giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1970; cư trú tại: xã R, huyện S, tỉnh Bến Tre. Địa chỉ liên lạc: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Trần Quang T1**, sinh năm 1973; cư trú tại: Thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên lạc: Đường D, Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền ngày 12/9/2017).

- *Bị đơn:* **Công ty TNHH P**; Trụ sở: Đường H, Phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Hồng Thị Minh N1** – Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

1/ Bà **Nguyễn Hồng Thảo N**, sinh năm 1977; cư trú tại: Đường L, Phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền ngày 24/8/2017).

2/ Ông **Nguyễn Trung T2**, sinh năm 1993; cư trú tại: Đường I, Phường O, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền ngày 03/01/2019).

Chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo quy định pháp luật.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty TNHH P không phải chịu. Hoàn trả lại cho Công ty 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0016790 ngày 21/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận M;
- Cục Thi hành dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận M;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Kim Dung